

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 688/2018/DSPT
Ngày: 18/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 246/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2724/2018/QĐ-PT, ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Nhà số 172, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Vũ Anh T, là cộng tác viên của trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M

Địa chỉ: số 75 đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Mai T, chức vụ: Giám đốc Pháp lý và Tuân thủ, Ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 5/07/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Nhà số 172, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Xuân K, sinh năm 1959;

Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Ông M, bà H, bà Bùi Thị Mai T, ông Nguyễn Hữu T có mặt tại phiên tòa.
Ông K có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Ngọc M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Ngọc M trình bày:

Ngày 19/12/2014 con ông là bà Trần Thị Thu N (đã chết ngày 19/12/2015) có ký đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ với nội dung mua sản phẩm bảo hiểm “Tự do Mơ ước – An Bình” của Công ty TNHH M với thời gian đóng phí bảo hiểm là 12 năm, số tiền phí bảo hiểm kỳ đầu tiên là 9.207.000 đồng, định kỳ đóng phí bảo hiểm là hằng năm, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm (100%) là ông Trần Ngọc M. Với các quyền lợi cơ bản thể hiện cụ thể tại hợp đồng bảo hiểm số 2930144802 (sau đây gọi tắt là hợp đồng).

Đơn yêu cầu bảo hiểm ngày 19/12/2014 đã được bà N, ông Trần Xuân K (đại lý phục vụ) và bà Trần Thị Phương N (quản lý khu vực tỉnh Bình Dương của công ty) ký. Ngày 26/12/2014 công ty có gửi lại bộ hợp đồng bảo hiểm cho bà N được đóng thành cuốn như ông đã cung cấp cho Tòa án.

Ngày 20/3/2015, bà N có đơn yêu cầu công ty thanh toán chi phí điều trị bệnh tại bệnh viện Chợ Rẫy từ ngày 12/02/2015 đến ngày 25/02/2015 nhưng phía công ty có văn bản từ chối thanh toán, bà N và gia đình có nhận được văn bản này.

Ngày 19/12/2015 bà N chết vì bệnh; sau khi bà N chết, nguyên đơn ông M đã yêu cầu công ty xem xét thực hiện các quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng nhưng công ty từ chối với lý do bà N không khai báo có bệnh suy thận khi mua bảo hiểm nên phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải trả cho ông số tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm là 150.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đại diện của bị đơn công ty M trình bày:

Bà Trần Thị Thu N và Công ty M có ký hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; cụ thể: Hợp đồng bảo hiểm số: 2930144802, sản phẩm “Tự do - Mơ ước – An Bình”, số tiền bảo hiểm là 150.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 9.207.000 đồng/năm. Bà N đã đóng phí được 01 kỳ.

Đại lý bảo hiểm tư vấn phục vụ cho bà N là ông Trần Xuân K; sau khi bà N ký đơn yêu cầu, nộp phí kỳ đầu tiên, công ty đã phát hành bộ hợp đồng bảo hiểm vào ngày 23/12/2014 và giao bộ hợp đồng này cho bà N.

Khoảng tháng 02/2015 bà N có nằm bệnh viện điều trị bệnh và có đơn yêu cầu quyền lợi bảo hiểm. Sau khi nhận được đơn của bà N thì công ty có ra thông báo yêu cầu bà N cung cấp các chứng từ liên quan đến việc điều trị để công ty tiến hành xác minh; qua hồ sơ bệnh án công ty thu thập được tại bệnh viện Chợ Rẫy thì được biết bà N có thời gian điều trị căn bệnh suy thận mãn giai đoạn cuối tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ ngày 05/8/2014 đến ngày 09/8/2014; cụ thể, hồ sơ bệnh án 70554 của bà N ghi nhận: *“Bệnh nhân tiền căn cao huyết áp, một năm nay, mệt nhiều, da xanh xao, ăn uống kém, nhập viện trong tình trạng suy thận mãn”*.

Tuy nhiên, khi xem xét bộ hợp đồng bảo hiểm của bà N thì trong đơn yêu cầu bảo hiểm của bà N ngày 19/12/2014, bà N khai không có gì bất thường về sức khỏe và không đề cập gì về việc điều trị căn bệnh suy thận mãn giai đoạn cuối trên tại bệnh viện Chợ Rẫy; như tại câu hỏi số 43 và 46 về tình trạng bệnh trước khi tham gia bảo hiểm bà N đã trả lời không bị bệnh thận và có thời gian điều trị tại bệnh viện. Cụ thể câu hỏi *“Đã khi nào người được bảo hiểm được chẩn đoán, điều trị hoặc có triệu chứng, dấu hiệu bất thường hay rối loạn liên quan đến bất kỳ bệnh hay triệu chứng nào dưới đây: câu 43. ... cao huyết áp ?, câu 46. ... suy thận, ...”*, tuy nhiên trong đơn yêu cầu ngày 19/12/2014 của bà N đều xác định bà không có bệnh cao huyết áp hay bệnh thận mặc dù bà bị bệnh suy thận mãn mới điều trị;

Do đó, ngày 15/4/2015 Công ty có văn bản từ chối thanh toán chi phí điều trị cho bà N trong đó có nội dung: *“... đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm số 2930144802, từ chối giải quyết quyền lợi trợ cấp nằm viện của bà N từ ngày 12/02/2015 đến ngày 25/02/2015 và cũng như giữ lại toàn bộ phí đã đóng hợp đồng...”*; văn bản này bà N đã nhận được, bà N và gia đình không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Theo Điều 7 của hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa Công ty và bà N thì bà N phải khai báo đầy đủ, trung thực tình trạng sức khỏe của mình. Mặt khác, sau khi bà N ký đơn yêu cầu bảo hiểm, ngày 26/12/2014 công ty đã giao bộ hợp đồng bảo hiểm cho bà N (có ký nhận); theo Thư cảm ơn kèm theo bộ hợp đồng, công ty đã lưu ý bà N đọc lại những nội dung trong bộ hợp đồng, trường hợp có thắc mắc thì liên hệ với công ty sẽ được tư vấn giải thích thêm và tại Điều 4 của hợp đồng công ty cũng lưu ý bà N về thời gian cân nhắc: *“Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo đến công ty, trả lại hợp đồng bảo hiểm ...”* nhưng phía bà N không có thắc mắc hay khiếu nại gì. Căn cứ theo quy định pháp luật về bảo hiểm, hợp đồng hai bên ký kết thì bên mua bảo hiểm bà N đã vi phạm trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin khi ký hợp đồng, công ty đã có văn bản thông báo cho bà N biết công ty đình chỉ

thực hiện hợp đồng nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng ông K trả cho ông M đây là giao dịch giữa hai bên không liên quan đến hợp đồng bảo hiểm giữa bà N với công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân K trình bày ý kiến :

Ông là anh ruột của ông Trần Ngọc M, cháu Trần Thị Thanh N là con ông Minh và gọi ông bằng bác. Ông là đại lý bảo hiểm của Công ty M (mã số đại lý bảo hiểm A5461) từ ngày 25/11/2014, đến ngày 31/5/2015 ông chấm dứt làm đại lý bảo hiểm cho công ty M. Ngày 19/12/2014 ông có tư vấn cho cháu N về hợp đồng bảo hiểm và ghi các nội dung trên Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ. Trước khi cháu N ký hợp đồng mua bán bảo hiểm ông đã tư vấn đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho cháu N.

Ông xác định các nội dung chi tiết trên Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ ngày 19/12/2014: người được bảo hiểm, họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, thu thập hàng tháng của cháu Ngân, sản phẩm bảo hiểm, số hợp đồng, số tiền bảo hiểm, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm ... là do ông viết theo thông tin do cháu N cung cấp; tuy nhiên các nội dung như ghi chú các câu hỏi về thông tin sức khỏe là do ông T là chồng bà H là người trực tiếp ghi vào (bà H là đại lý cấp trên của ông).

Sau khi hoàn chỉnh đầy đủ các nội dung của Đơn yêu cầu, hồ sơ được chuyển đến công ty; mấy ngày sau thì công ty chuyển lại bộ hợp đồng bảo hiểm, ông đã trực tiếp giao cho bộ hợp đồng bảo hiểm cho cháu N.

Đối với việc công ty thông báo chấm dứt hợp đồng bảo hiểm đối với cháu Ngân vào ngày 15/4/2015 ông có biết vì thời điểm đó cháu N chưa mất và ông vẫn còn là đại lý bảo hiểm của công ty. Sau khi cháu N mất, ông M có nộp đơn khiếu nại gửi chính quyền địa phương, ngày 25/4/2016 trong buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T ông đã trả lại cho ông M số tiền 3.000.000 đồng là tiền hoa hồng bán sản phẩm bảo hiểm cho cháu N mà ông được hưởng từ công ty M.

Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đồng ý vì lý do khách hàng có thể khai đúng hoặc sai nhưng trách nhiệm của công ty là kiểm tra lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H trình bày:

Bà là mẹ của cháu N và là vợ của ông M. Cháu N mất ngày 19/12/2015. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M bà không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 232/2018/DS-ST ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc M đối với bị đơn Công ty TNHH M phải trả số tiền bảo hiểm 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/5/2018, ông Trần Ngọc M là nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu buộc ông Trần Xuân K là đại lý bảo hiểm của Công ty TNHH M và Công ty TNHH M chịu trách nhiệm bồi thường giá trị hợp đồng bảo hiểm là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thay đổi lại yêu cầu kháng cáo là buộc bị đơn Công ty TNHH M chịu trách nhiệm bồi thường giá trị hợp đồng bảo hiểm là 150.000.000 đồng, không yêu cầu ông K cùng liên đới chịu trách nhiệm. Nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp Luật sư Vũ Anh T trình bày: Hợp đồng bảo hiểm được ký kết là do ông Trần Xuân K là đại lý của Công ty giới thiệu, tại thời điểm chào bán sản phẩm bảo hiểm thì ông K biết rõ bệnh tình của bà N nhưng vì doanh số ông K vẫn tìm mọi lý do, biện pháp để thực hiện hợp đồng này nên khi bà N khai mình có bệnh suy thận nhưng ông K không ghi nội dung này vào đơn yêu cầu, ông K là đại lý được Công ty tuyển dụng, nên Công ty chịu trách nhiệm trong việc ký hợp đồng với bà N. Mặt khác, Công ty thiếu trách nhiệm, không kiểm tra lại các nội dung kê khai của bà N; cụ thể tại mục số 41 bà N trả lời là có khám chữa bệnh tại bệnh viện Quy Nhơn năm 2012 do nghi ngờ bệnh Sán chó, thì trong trường hợp này Công ty phải cho bà N đi kiểm tra hoặc khám sức khỏe tổng quát trước khi ký hợp đồng bảo hiểm nhưng công ty không thực hiện là lỗi của phía Công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M sửa án sơ thẩm buộc bị đơn Công ty M bồi thường cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng như yêu cầu.

- Bị đơn trình bày: Bà N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng và bà N đã ký vào bản yêu cầu ngày 19/12/2014 trong đó không khai báo về bệnh suy thận của mình do đó Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm với bà N ngày 15/4/2015, nay ông M là người thụ hưởng yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền bảo hiểm theo hợp đồng là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự tại phiên Tòa phúc thẩm cho thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Bộ luật Dân sự năm 2005 để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo: Ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân Quận 7 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 246/2018/DS-ST, ông Trần Ngọc M là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Ngày 07/5/2018 ông Trần Ngọc M kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 272, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đơn kháng cáo của ông M là hợp lệ và kháng cáo của ông M còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

Trong nội dung đơn khởi kiện và tại các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm đều thể hiện yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn Công ty TNHH M bồi thường giá trị hợp đồng bảo hiểm là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong nội dung đơn kháng cáo ngày 07/5/2018, ông M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và yêu cầu ông Trần Xuân K là Đại lý bán bảo hiểm của Công ty TNHH M cùng Công ty TNHH M bồi thường số tiền bảo hiểm 150.000.000 đồng. Yêu cầu kháng cáo này đã vượt quá yêu cầu ban đầu tại cấp sơ thẩm của ông M. Khi nguyên đơn ông M nộp đơn kháng cáo đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét nội dung kháng cáo và yêu cầu người kháng cáo sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 274 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đây là thiếu sót về tố tụng của cấp sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên Tòa phúc thẩm người kháng cáo đã sửa đổi nội dung kháng cáo và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên chấp nhận theo quy định tại Điều 293 BLTTDS 2015.

Xét ông Trần Xuân K có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Xuân K là phù hợp với Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Xét thấy bị đơn là Công ty TNHH M có trụ sở tại Quận B, do đó tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo nên căn cứ điểm b

khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Ông Trần Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu buộc Công ty TNHH M chịu trách nhiệm bồi thường giá trị hợp đồng bảo hiểm là 150.000.000 đồng.

Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung mà các đương sự thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì bà Ngân ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty TNHH M số 2930144802 ngày 22/12/2014. Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện nên hợp đồng trên có giá trị pháp lý. Xét bà N chết ngày 19/12/2015. Theo Hợp đồng Bảo hiểm giữa bà N và Công ty M thì Ông M là người được thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm do đó ông M có quyền khởi kiện tranh chấp đối với hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa Công ty và bà N.

Xét trước khi ký hợp đồng bảo hiểm bà N có điều trị bệnh sán chó tại bệnh viện Qui Nhơn vào năm 2012. Bà Ngân có thời gian điều trị bệnh suy thận tại bệnh viện Chợ Rẫy từ ngày 05 đến ngày 09/8/2014. Tuy nhiên khi ký hợp đồng bảo hiểm, trong quá trình kê khai về tình trạng sức khỏe của mình thì bà N xác định về việc bà có điều trị bệnh sán chó tại bệnh viện Qui Nhơn nhưng lại không kê khai là bà có điều trị bệnh suy thận tại bệnh viện Chợ Rẫy vào tháng 8 năm 2014. Tại Điều 7 hợp đồng bảo hiểm ký giữa bà N và Công ty TNHH M có quy định “ *Người mua bảo hiểm có nghĩa vụ kê khai đầy đủ và trung thực các thông tin theo yêu cầu của công ty để công ty đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm. Việc kiểm tra y tế, nếu có, không thay thế nghĩa vụ này của bên mua Bảo hiểm.*” Mặt khác, tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm có quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm là “ *Phải kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm*” và Điều 573 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “ *Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm thì theo yêu cầu của bên bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải cung cấp cho bên bảo hiểm đầy đủ thông tin có liên quan đến đối tượng bảo hiểm.*” Từ đó có thể thấy được bà N đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng bảo hiểm số 2930144802 ngày 19/12/2014. Do đó phía bị đơn có quyền từ chối chi trả bảo hiểm và đơn phương đình chỉ hợp đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn căn cứ theo Điều 7 hợp đồng bảo hiểm, Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm và Điều 573 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ.

Việc nguyên đơn trình bày bà N có khai mình bị bệnh suy thận nhưng trong quá trình ông K ghi hợp đồng ông K không kê khai vào đơn yêu cầu bảo hiểm là không có cơ sở bởi lẽ tại phần cam kết cuối hợp đồng có nội dung là người mua bảo hiểm cam kết là đã đọc, được nghe đại lý đọc, giải thích toàn bộ nội dung yêu cầu trong đơn yêu cầu bảo hiểm nên bà N phải có trách nhiệm đọc

lại và chịu toàn bộ trách nhiệm đối với phần kê khai trong hợp đồng bảo hiểm nêu trên và bà N đã đồng ý ký kết hợp đồng. Mặt khác trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận được bộ hợp đồng theo quy định của Điều 4 của hợp đồng bảo hiểm giữa hai bên phía bà N cũng không có điều chỉnh sửa chữa hay bổ sung hay khiếu nại gì về hợp đồng bảo hiểm. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai trên của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Xét lời trình bày và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng việc bà N có nói cho đại lý là ông K biết việc bà N có điều trị bệnh suy thận nhưng ông K không kê khai vào nội dung đơn yêu cầu đồng thời việc phía bị đơn không kiểm tra lại các nội dung kê khai của bà N là do thiếu sót của bị đơn nên bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm theo quy định cũng không có cơ sở bởi lẽ như nhận định trên căn cứ các điều luật đã viện dẫn và nội dung hợp đồng đã ký kết cho thấy phía bên mua bảo hiểm khi ký kết hợp đồng phải có trách nhiệm với toàn bộ nội dung hợp đồng thỏa thuận không phụ thuộc vào việc ai là người khai. Trên thực tế bên mua bảo hiểm đã vi phạm thỏa thuận về việc kê khai trung thực bệnh của mình, việc kê khai không trung thực làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía Công ty bảo hiểm và vi phạm các điều khoản mà người mua bảo hiểm đã cam kết. Do đó phía bị đơn có quyền từ chối chi trả bảo hiểm là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, do nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật; Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 573 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí năm 2009; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Ngọc M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 246/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc M đối với bị đơn Công ty TNHH M phải trả số tiền bảo hiểm 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07042 ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; vậy ông M phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Ngọc M phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa An số AA/2017/0025416 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Minh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu (T 20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Văn Hải

